

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2018/HNGĐ - PT
Ngày: 12 – 11 – 2018
V/v: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tửu

Các Thẩm phán: Bà Đặng Duy Mỹ Ngọc

Ông Vương Minh Tâm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
Bà Trần Ngọc Bích, Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2018/TLPT- HNGĐ, ngày 25 tháng 9 năm 2018, về việc: Tranh chấp ly hôn, nuôi con.

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 61/2018/HNGĐ-ST, ngày 23 tháng 7 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 36/2018/QĐ-PT, ngày 23 tháng 10 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992; trú tại: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh (có mặt).

- *Bị đơn:* Chị Tiêu Thị Tuyết N, sinh năm 1995; trú tại: ấp B, xã M, huyện H, tỉnh Vĩnh Long (có mặt).

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

1/ Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1968 (vắng);

2/ Bà Nguyễn Thị Bé T3, sinh năm 1966 (vắng);

Cùng trú tại: ấp L, xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T2 có: Bà Nguyễn Thị Bé T3, sinh năm 1966 (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, văn bản ủy quyền ngày 31/5/2018).

- *Do có kháng cáo của:* Anh Nguyễn Văn T1, là nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ thì nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T1 trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 2013 qua quen biết tìm hiểu nhau anh Nguyễn Văn T1 và chị Tiêu Thị Tuyết N đã tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo tập quán và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/10/2013 tại UBND xã N, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc với nhau đến năm 2014 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi nhau. Anh T1 và chị N đã sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay anh T1 nhận thấy tình cảm vợ chồng giữa anh và chị N không còn nữa do mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, mục đích hôn nhân không đạt được, anh T1 yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Tiêu Tuyết A, sinh ngày 01/01/2014. Hiện nay con chung đang sống với chị N. Khi ly hôn, anh T1 yêu cầu được nuôi cháu Tuyết A, không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

- Về nợ chung: Anh T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết

** Quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Tiêu Thị Tuyết N trình bày:*

- Về quan hệ hôn nhân: Chị N đồng ý ly hôn với anh T1.

- Về con chung: có 01 con chung tên Nguyễn Tiêu Tuyết A, sinh ngày 01/01/2014. Khi ly hôn chị N yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Tuyết A và yêu cầu anh T1 phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 700.000đ cho đến khi cháu Tuyết A đủ 18 tuổi.

- Về tài sản chung: Chị N khai anh T1 trình bày là không đúng. Tại đơn xin yêu cầu đề ngày 08/4/2018, chị N trình bày sau đám cưới ba ngày cha chồng của chị N là ông Nguyễn Văn T2, và mẹ chồng là bà Nguyễn Thị Bé T3 có đến nhà cha mẹ ruột của chị N hỏi mượn chị N 15 chỉ vàng 24K là nữ trang ngày cưới của chị N về mua bán bò, sau đó cho đến nay cha mẹ chồng của chị N vẫn chưa trả lại cho chị N. Nay chị N yêu cầu ông T2 và bà T3 phải có nghĩa vụ trả lại cho chị N 08 chỉ vàng 24K.

- Về nợ chung: Chị N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Bé T3, ông Nguyễn Văn T2 do bà T3 đại diện trình bày:*

Sau đám cưới ba ngày bà Nguyễn Thị Bé T3 và ông Nguyễn Văn T2 không có đến nhà của chị N để mượn 15 chỉ vàng 24K là nữ trang ngày cưới của chị N về mua bán bò như lời trình bày của chị N do đó bà Nguyễn Thị Bé T3 không đồng ý với yêu cầu trả lại 08 chỉ vàng cưới của chị N.

Tại bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số: 61/2018/HNGĐ-ST, ngày 23/7/2018 của Tòa án nhân dân huyện Long Hồ đã quyết định:

- Áp dụng các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 244, Điều 246, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

- Áp dụng các Điều 9, Điều 55, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110, Điều 116 của luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận giữa anh Nguyễn Văn T1 và chị Tiêu Thị Tuyết N. Giao cháu Nguyễn Tiêu Tuyết A, sinh ngày 01/01/2014 cho chị Tiêu Thị Tuyết N được tiếp tục nuôi dưỡng và giáo dục đồng thời buộc anh Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cùng với chị Tiêu Thị Tuyết N mỗi tháng 700.000đ cho đến khi cháu Nguyễn Tiêu Tuyết A đủ 18 tuổi. Sau khi ly hôn, anh Nguyễn Văn T1 có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định về quan hệ hôn nhân; về nợ chung; về lãi chậm thi hành án; về đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị N; về án phí sơ thẩm; về quyền và nghĩa vụ trong thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

Ngày 06/8/2018, nguyên đơn anh Nguyễn Văn T1 kháng cáo bản án sơ thẩm, với lý do: Anh T1 cho rằng Tòa sơ thẩm giao cháu Tuyết A cho chị N nuôi dưỡng là chưa phù hợp, vì anh T1 có điều kiện nuôi dưỡng con chung tốt hơn chị N, do chị N làm công việc tư nhân, không có thời gian chăm sóc nuôi dạy cháu. Trong khi anh T1 cùng cha mẹ anh T1 có thời gian chăm sóc, gần gũi cháu nhiều hơn. Vì thế anh T1 kháng cáo yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Tuyết A, không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

Anh Nguyễn Văn T1 và chị Tiêu Thị Tuyết N thỏa thuận với nhau như sau: Anh T1 đồng ý giao cháu Nguyễn Tiêu Tuyết A, sinh ngày 01/01/2014 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con, anh T1 có quyền tới lui thăm nom, chăm sóc giáo dục con chung không ai được ngăn cản. Chị N đồng ý tiếp tục nuôi cháu Tuyết A, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con, trường hợp anh T1 lạm dụng quyền nuôi con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con chung của anh T1.

** Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

- Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án, từ khi thụ lý đến thời điểm hiện nay thấy rằng Thẩm phán; Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự, không có vi phạm.

- Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay anh T1 và chị N thoả thuận được với nhau về việc nuôi con chung là cháu Nguyễn Tiêu Tuyết A như đã nêu trên, nên đề nghị Hội đồng xét xử sửa án sơ thẩm, công nhận sự thoả thuận của anh T1 và chị N.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ thể hiện tại hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét toàn diện các chứng cứ; ý kiến trình bày của các đương sự; căn cứ vào kết quả tranh tụng và phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:

- Về thủ tục:

Tòa sơ thẩm xét xử ngày 23/7/2018 đến ngày 06/8/2018 anh Nguyễn Văn T1 có đơn kháng cáo nên kháng cáo của anh T1 là hợp lệ được xem xét tại cấp phúc thẩm theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay: Anh Nguyễn Văn T1 và chị Tiêu Thị Tuyết N thoả thuận với nhau cụ thể, anh T1 đồng ý giao cháu Nguyễn Tiêu Tuyết A, sinh ngày 01/01/2014 cho chị N tiếp tục nuôi dưỡng, anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con. Chị N đồng ý tiếp tục nuôi cháu Tuyết A, không yêu cầu anh T1 cấp dưỡng nuôi con. Xét, sự thoả thuận của anh T1 và chị N tại phiên tòa là thật sự tự nguyện, không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội. Nên theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử chấp nhận, sửa án sơ thẩm. Công nhận sự thoả thuận của anh T1 và chị N tại phiên tòa như nêu trên theo quy định tại Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T1. Ngược lại chị N cùng các thành viên gia đình chị N không được cản trở anh T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

[2] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do anh T1 và chị N thoả thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án tại phiên toà phúc thẩm, nên theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, anh T1 phải chịu toàn bộ án phí dân sự phúc thẩm là 300.000đ, được khấu trừ từ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001733 ngày 06/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ. Anh T1 không phải nộp thêm.

[3] Quyết định khác của án sơ thẩm về công nhận cho anh Nguyễn Văn T1 và chị Tiêu Thị Tuyết N thuận tình ly hôn; về nợ chung; về đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị N và về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; Điều 300 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 5 Điều 27; khoản 5 Điều 29 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà phúc thẩm, sửa án sơ thẩm như sau:

Giao cháu Nguyễn Tiêu Tuyết A, sinh ngày 01/01/2014 cho chị Tiêu Thị Tuyết N tiếp tục nuôi dưỡng; anh Nguyễn Anh T1 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị N; anh T1 có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trường hợp anh T1 lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị N có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T1. Ngược lại chị N cùng các thành viên gia đình chị N không được cản trở anh T1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2. Về án dân sự phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn T1 phải nộp là 300.000đ, được khấu trừ từ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001733 ngày 06/8/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ, anh T1 không phải nộp thêm.

3. Quyết định khác của án sơ thẩm về công nhận cho anh Nguyễn Văn T1 và chị Tiêu Thị Tuyết N thuận tình ly hôn; về nợ chung; về đình chỉ yêu cầu chia tài sản chung của chị N và về án phí sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP.HCM;
- VKSND T.VL;
- TAND H. Long Hồ;
- Chi cục THADS H. Long Hồ;
- Các đương sự;
- UBND xã N;
- Lưu HS; Tổ HC-TP, TDS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Tửu